



CÔNG BỐ THÔNG TIN TỶ LỆ AN TOÀN VỐN
THEO THÔNG TƯ SỐ 41/2016/TT/NHNN

Cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phương pháp công bố thông tin

Báo cáo này được xây dựng dựa theo quy định công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn của VIB và được đăng tải 6 tháng một lần (theo quy định) hoặc sớm hơn, tại website của ngân hàng theo đường dẫn:

<https://vib.com.vn/wps/portal/about/shareholder/shareholder-info>

Cam kết của Ban lãnh đạo về công bố thông tin

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trong báo cáo này là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TỔNG QUAN

Tổng quan về thông tư 41 và Basel II

Nội dung công bố thông tin

HỆ SỐ AN TOÀN VỐN

Tóm tắt thông tin các chỉ tiêu công bố chính

Phương pháp quản trị và tính toán

VỐN TỰ CÓ

Cấu trúc vốn tự có

Tình hình vốn tự có

Phương pháp quản trị và tính toán

RỦI RO TÍN DỤNG

Chính sách về quản lý rủi ro tín dụng

Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng

Công bố thông tin về sử dụng xếp hạng tín nhiệm

Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng theo ngành

Công bố thông tin về giảm thiểu rủi ro tín dụng

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Chính sách về quản lý rủi ro hoạt động

Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục trong kinh doanh

Công bố thông tin về rủi ro hoạt động

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Chính sách về quản trị rủi ro thị trường

Công bố thông tin về rủi ro thị trường

THÔNG TIN CHUNG

Giới thiệu về VIB

Quản trị rủi ro và các hệ số an toàn của VIB

Phương pháp công bố thông tin và cam kết của ban lãnh đạo

1 Tổng quan về thông tư 41 và Basel II

Áp dụng tiêu chuẩn Basel II là một yêu cầu cấp thiết cho các ngân hàng thương mại Việt Nam nhằm đảm bảo tính an toàn của hoạt động ngân hàng và tạo ra sự phòng vệ trước những rủi ro trọng yếu như rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động. Tháng 12 năm 2016, Thông tư 41/2016/TT-NHNN được chính thức ban hành bởi Ngân hàng Nhà nước (NHNN), đưa hệ thống ngân hàng Việt Nam tiến gần hơn với các tiêu chuẩn quốc tế. Thông tư 41/2016/TT-NHNN được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Thông tư 22/2023/TT-NHNN, ngày 29/12/2023 (sau đây gọi tắt là Thông tư 41).

Thông tư 41 quy định về phần lớn nội dung của hai trong ba trụ cột Basel II: Hệ số an toàn vốn (CAR) và Công bố thông tin (Disclosure of information). Thông tư cung cấp cho các ngân hàng hướng dẫn rõ ràng và cụ thể về cách tính CAR, ở đó rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường đều được cân nhắc tới. Bên cạnh việc đưa ra các quy định và hướng dẫn, Thông tư 41 cũng phần nào thúc đẩy các ngân hàng tìm ra những chiến lược và mục tiêu kinh doanh ít rủi ro hơn, cũng như dành ưu tiên cho những khoản vay đủ điều kiện áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Nội dung công bố thông tin

Thực hiện nội dung quy định Thông tư 41, VIB thực hiện công bố thông tin chi tiết tỷ lệ an toàn vốn tại điều 20 – Thông tư 41, tối thiểu 6 tháng/lần theo năm tài chính dựa trên các nội dung quy định tại Phụ lục 5 – Thông tư này và các nội dung VIB chủ động công bố khác không theo quy định.

Để tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về triển khai Chuẩn mực vốn theo Basel tại Việt Nam, ngày 30/06/2025, NHNN đã ban hành thông tư 14/2025/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn áp dụng theo Basel III, hiệu lực thi hành từ năm 2030.

Tại thời điểm 31/12/2025, VIB áp dụng đồng thời việc tính toán tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41 và Thông tư 14. VIB đã chính thức hoàn thành việc triển khai Basel III theo phương pháp tiêu chuẩn từ tháng 12/2025 và xin phê duyệt áp dụng chính thức Basel III theo phương pháp xếp hạng nội bộ nâng cao cho danh mục bán lẻ vào quý II/2027.

Việc hoàn thành Basel III theo phương pháp tiêu chuẩn sớm hơn 5 năm so với yêu cầu của Thông tư 14 và định hướng nâng cấp lên phương pháp xếp hạng nội bộ trong thời gian ngắn nhất đã chứng minh định hướng chiến lược về quản trị rủi ro đúng đắn của ngân hàng trong những năm qua, năng lực tài chính mạnh mẽ và hệ thống quản trị dữ liệu vượt trội của VIB. Những thành tựu này không chỉ giúp ngân hàng tối ưu hóa tài sản có rủi ro (RWA) mà còn đảm bảo sự an toàn cho hệ thống trước các biến động của thị trường, củng cố niềm tin vững chắc cho các nhà đầu tư và khách hàng.

Phạm vi tính toán

Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất được tính trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con. Tại thời điểm 31/12/2025, Ngân hàng VIB có một công ty con sở hữu trực tiếp là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (viết tắt VIB AMC) và không phát sinh các khoản đầu tư vào công ty con là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm.

2 Hệ số an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn (**CAR**) tính theo đơn vị phần trăm (%) được xác định bằng công thức:

$$CAR = \frac{C}{RWA + 12,5(K_{OR} + K_{MR})} \times 100\%$$

Trong đó:

- **C**: Vốn tự có;
- **RWA**: Tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng;
- **K_{OR}**: Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động;
- **K_{MR}**: Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường.

VIB đã ban hành quy định Quản trị tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo Thông tư 41 nhằm đưa ra nguyên

tắc, mô hình quản trị tỷ lệ, các yêu cầu về hệ thống công nghệ thông tin và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác đo lường, giám sát và báo cáo tỷ lệ an toàn vốn.

Hệ thống tính toán tỷ lệ an toàn vốn của VIB đã được tự động hóa dựa trên nền tảng dữ liệu các hệ thống lõi của ngân hàng. Dữ liệu tính toán thường xuyên được kiểm tra, đối chiếu nhằm đảm bảo tính chính xác. Tỷ lệ an toàn vốn được định kỳ giám sát, dự báo và báo cáo Ban Điều hành, Hội đồng Vốn nhằm kiểm soát hoạt động kinh doanh, đảm bảo tỷ lệ CAR tuân thủ khẩu vị rủi ro và các hạn mức đã được phê duyệt.

Tỷ lệ an toàn vốn	31/12/2025 tỷ đồng, %	30/06/2025 tỷ đồng, %
Báo cáo hợp nhất		
Vốn tự có	55,139	49,716
Vốn cấp 1	46,905	43,638
Vốn cấp 2	8,254	6,098
Các khoản giảm trừ	19	19
Tổng tài sản có rủi ro	485,277	409,026
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng	430,722	356,644
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng đối tác	2,422	2,389
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	233	110
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	3,937	3,890
Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1	9.67%	10.67%
Tỷ lệ an toàn vốn	11.36%	12.15%
Báo cáo riêng lẻ		
Vốn tự có	54,988	49,598
Vốn cấp 1	46,753	43,519
Vốn cấp 2	8,254	6,098
Các khoản giảm trừ	19	19
Tổng tài sản có rủi ro	487,670	410,495
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng	433,668	358,584
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng đối tác	2,422	2389
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	233	110
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	3,893	3,852

	31/12/2025	30/06/2025
Tỷ lệ an toàn vốn	tỷ đồng, %	tỷ đồng, %
Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1	9.59%	10.60%
Tỷ lệ an toàn vốn	11.28%	12.08%

VỐN TỰ CÓ

3

Quản trị vốn tự có

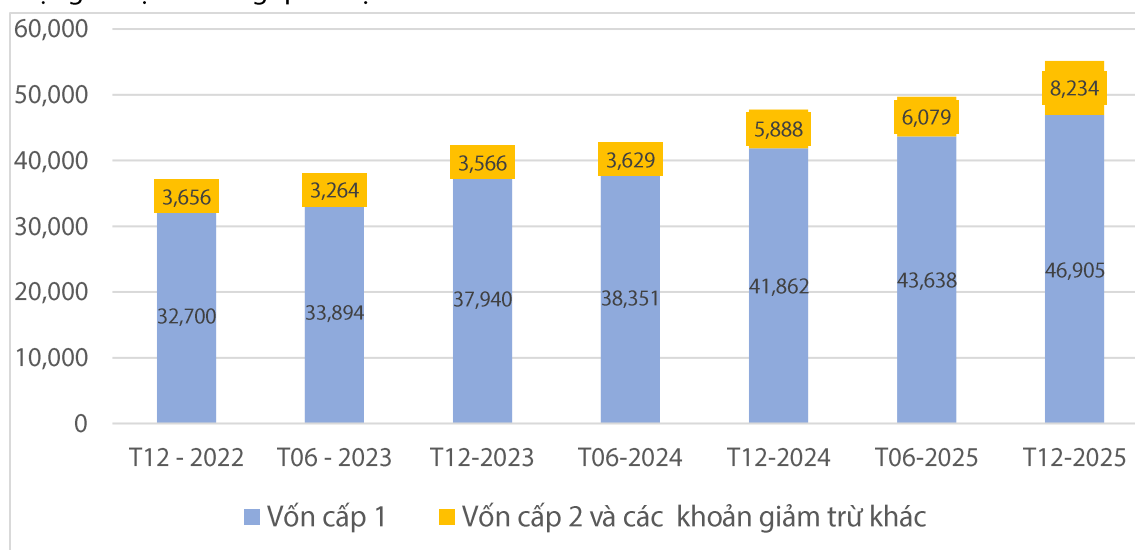
3.1. Cấu trúc vốn tự có

Vốn chủ sở hữu của VIB tại thời điểm 31/12/2025 chỉ bao gồm cổ phiếu phổ thông. Ngân hàng

chưa phát sinh các công cụ bổ sung vốn cấp 1 đáp ứng các điều kiện quy định tại Thông tư 41.

3.2. Tình hình vốn tự có

Vốn tự có của VIB được duy trì phù hợp với quy mô hoạt động và định hướng quản trị rủi ro.



3.3. Phương pháp quản trị và tính toán

Vốn tự có bao gồm tổng Vốn cấp 1 và cấp 2 trừ đi các khoản giảm trừ quy định tại Phụ Lục 1 Thông tư 41. Vốn tự có được thường xuyên giám sát và quản lý bởi Hội đồng Vốn, trong đó các phương án tăng vốn được đưa ra phù hợp với khả năng tăng trưởng tài sản và đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn hoạt động của ngân hàng.

VIB thực hiện quản trị vốn theo định hướng thận trọng, đảm bảo cân đối giữa hiệu quả sử dụng vốn và yêu cầu tuân thủ các tỷ lệ an toàn vốn theo quy định. Công tác quản lý vốn được triển khai trên cơ sở giám sát thường xuyên và đánh giá định kỳ, qua đó các phương án bổ

sung vốn được xem xét phù hợp với nhu cầu tăng trưởng hoạt động và điều kiện thị trường.

Nhằm đảm bảo công tác quản trị vốn hiệu quả và an toàn, VIB thực hiện quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP) với kế hoạch 3 năm tiếp theo, theo thông lệ quản trị rủi ro và phù hợp với quy định tại Thông tư 83/2025/TT-NHNN. ICAAP được triển khai và cập nhật định kỳ tối thiểu 1 năm/lần, nhằm đảm bảo duy trì mức vốn phù hợp với khẩu vị rủi ro của Ngân hàng trong cả điều kiện hoạt động bình thường và các kịch bản bất lợi. Kết quả ICAAP là cơ sở cho việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, cũng như định hướng quản lý vốn trong từng giai đoạn.

4.1. Chính sách về quản lý rủi ro tín dụng

VIB xây dựng Chính sách quản lý rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng và thực hiện rà soát định kỳ 1 năm/lần hoặc trong trường hợp cần thiết. Theo đó, Hội đồng quản trị (HĐQT) quy định các chính sách quản lý rủi ro chung cho toàn hệ thống. Tổng Giám đốc (TGD) quy định về các quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện cũng như các hạn mức rủi ro tín dụng theo các Khối Kinh doanh, ngành nghề, sản phẩm, khách hàng... Các chính sách này được thẩm định, kiểm soát chặt chẽ bởi các phòng ban có liên quan.

Về hoạt động phê duyệt tín dụng, VIB giao thẩm quyền phê duyệt cho các cá nhân, và tập thể theo từng Khối kinh doanh trên nguyên tắc phân định rõ chức năng và phạm vi phê duyệt, cụ thể:

Đối với Khối Ngân hàng bán lẻ (NHBL) và Khối Thẻ & Cho vay không có tài sản bảo đảm: Thẩm quyền phê duyệt được giao cho các cá nhân với hạn mức phù hợp, dựa trên bộ tiêu chí chấm điểm thẩm quyền phê duyệt tín dụng. Mức thẩm quyền này sẽ được giám sát thường xuyên, tối thiểu 3 tháng/lần, đồng thời, bộ tiêu chí chấm điểm thẩm quyền phê duyệt tín dụng cũng được rà soát phù hợp với khẩu vị rủi ro từng thời kỳ. Đối với thẩm quyền phê duyệt có hạn mức cao hơn, VIB giao thẩm quyền phê duyệt cho Cấp Ủy ban tín dụng (UBTD) trở lên.

Đối với Khối Khách hàng doanh nghiệp (KHDN): VIB chủ yếu giao hạn mức phê duyệt tập trung cho cấp UBTD KHDN trở lên. Đối với cấp phê duyệt cá nhân, VIB chủ yếu giao thẩm quyền phê duyệt cho 1 số cá nhân dựa trên TSBĐ là 100% tiền hoặc giấy tờ có giá do VIB phát hành.

VIB vẫn tiếp tục thực hiện các chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ

trợ khách hàng gặp khó khăn theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN.

Về tài sản bảo đảm (TSBĐ):

Để kiểm soát chất lượng tài sản dùng làm TSBĐ tại VIB, Ngân hàng thực hiện:

- Quy định điều kiện nhận và các loại tài sản không được nhận làm TSBĐ tại VIB; Quy định tỷ lệ cấp tín dụng tối đa (LTV) theo từng loại TSBĐ
- Hạn chế nhận TSBĐ có tính thanh khoản kém, hạn chế nhận TSBĐ là BĐS tại các khu vực chưa hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nằm tách biệt các khu dân cư hiện hữu, thanh khoản kém, giá trị sử dụng thấp;
- Thẩm quyền định giá đối với Khối KHCN: Định hướng tập trung giao thẩm quyền định giá cho VIB AMC theo Quy định nội bộ. Thẩm quyền định giá đối với KHDN: ưu tiên sử dụng VIB AMC, chỉ sử dụng Các công ty định giá bên ngoài có năng lực chuyên môn tốt và uy tín trên thị trường để thực hiện định giá.

Ngoài ra, Thẩm quyền định giá của ĐVKD chỉ thực hiện định giá đối với tài sản bảo đảm ít rủi ro. Kiểm soát rủi ro sau cấp tín dụng:

Việc kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện qua việc nhận diện sớm, kiểm soát, xử lý, kết hợp với các công cụ phân tích dữ liệu hệ thống. Các chốt kiểm soát, vùng rủi ro nhận dạng được sẽ qua các phòng chức năng để đo lường, đánh giá, xử lý sớm cũng như phân tích nguyên nhân phát sinh để có các giải pháp giảm thiểu, ngăn ngừa phát sinh từ góc độ hệ thống, quy trình, chính sách.

Ngoài ra, VIB cũng đã hoàn thiện các mô hình rủi ro tín dụng cho phân khúc cho vay bán lẻ theo

phương pháp Basel nâng cao (Basel Advance Internal Rating Model) theo yêu cầu của Thông tư 14 trong năm 2025, hoàn thành mục tiêu tiên phong tuân thủ Basel III theo đúng hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước. Ngoài ra, VIB cũng ứng dụng kỹ thuật phân tích, xây dựng mô hình và báo cáo quản trị danh mục vào việc phân tích rủi ro và điều chỉnh chính sách định kỳ tại VIB. Từ đó, VIB sẽ chọn lựa được các phân khúc khách hàng tốt, độ rủi ro thấp nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu ngày càng phát triển và mở rộng của Khối NHBL.

Việc ứng dụng sâu rộng các mô hình trong hoạt động tín dụng của VIB cũng nằm trong lộ trình triển khai Basel theo phương pháp nâng cao đã được ngân hàng thống nhất và công bố từ năm 2020 theo đúng tinh thần và yêu cầu đối với các ngân hàng triển khai tuân thủ theo Basel III phương pháp nâng cao. VIB vẫn đang triển khai nhất quán về lộ trình này với mục tiêu ứng dụng các thông lệ quốc tế, đặc biệt là các thông lệ về quản trị rủi ro vào hoạt động kinh doanh.

4.2. Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng

Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng, trong đó chia theo đối tượng có hệ số rủi ro theo quy định tại Điều 9 Thông tư 41.

	31/12/2025	30/06/2025	Thay đổi
Tài sản có rủi ro tín dụng	tỷ đồng	tỷ đồng	%
Báo cáo hợp nhất			
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	430,722	356,644	21%
Khoản phải đòi Chính Phủ	-	8	-100%
Khoản phải đòi Định chế tài chính	78,536	69,745	13%
Khoản phải đòi Doanh nghiệp	133,717	86,016	55%
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản	18,494	11,705	58%
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	3,470	5,043	-31%
Khoản phải đòi Bán lẻ	128,899	129,598	-1%
Nợ xấu	13,384	13,813	-3%
Các loại tài sản khác	54,221	40,715	33%
Báo cáo riêng lẻ			
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	433,668	358,584	21%
Khoản phải đòi Chính Phủ	-	8	-100%

	31/12/2025	30/06/2025	Thay đổi
Tài sản có rủi ro tín dụng	tỷ đồng	tỷ đồng	%
Khoản phải đòi Định chế tài chính	78,536	69,745	13%
Khoản phải đòi Doanh nghiệp	132,966	86,200	54%
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản	18,508	11,715	58%
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	3,463	5,048	-31%
Khoản phải đòi Bán lẻ	129,029	129,707	-1%
Nợ xấu	13,008	13,571	-4%
Các loại tài sản khác	58,158	42,591	37%

4.3. Công bố thông tin về sử dụng xếp hạng tín nhiệm độc lập

Danh sách các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính tỷ lệ an toàn vốn bao gồm: Moody's, Standard & Poor, Fitch Rating.

Việc quy đổi thứ hạng tín nhiệm được thực hiện theo quy định của NHNN tại điều 5 thông tư 41.

Standard & Poor's	Moody's	Fitch Rating
AAA, AA+, AA, AA-	Aaa, Aa1, Aa2, Aa3	AAA, AA+, AA, AA-
A+, A, A-	A1, A2, A3	A+, A, A-
BBB+, BBB, BBB-	Baa1, Baa2, Baa3	BBB+, BBB, BBB-
BB+, BB, BB-	Ba1, Ba2, Ba3	BB+, BB, BB-
B+, B, B-	B1, B2, B3	B+, B, B-
CCC+ và thứ hạng thấp hơn	Caa1 và thứ hạng thấp hơn	CCC+ và thứ hạng thấp hơn

Tại kỳ báo cáo 31/12/2025, các khoản phải đòi, hệ số rủi ro tương ứng theo từng thứ hạng tín nhiệm của các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được lựa chọn như sau:

Xếp hạng tín nhiệm	HSRR	31/12/2025 tỷ đồng	30/06/2025 tỷ đồng
Khoản phải đòi Chính phủ, NH TW các nước, tổ chức công lập của chính phủ, chính quyền địa phương các nước			
AAA, AA+, AA, AA-	0%	-	-
A+, A, A-	20%	-	-
BBB+, BBB, BBB-	50%	-	-

Xếp hạng tín nhiệm	HSRR	31/12/2025 tỷ đồng	30/06/2025 tỷ đồng
BB+, BB, BB-, B+, B, B-	100%	-	-
Dưới B- hoặc không có xếp hạng	150%	-	-

Khoản phải đòi Tổ chức tài chính nước ngoài, chi nhánh NH nước ngoài tại VN

AAA, AA+, AA, AA-	20%	99	165
A+, A, A-	50%	40	34
BBB+, BBB, BBB-	50%	-	-
BB+, BB, BB-, B+, B, B-	100%	-	-
Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	150%	-	-

Khoản phải đòi Tổ chức tín dụng trong nước (thời hạn ban đầu từ 3 tháng trở lên)

AAA, AA+, AA, AA-	20%	-	-
A+, A, A-	50%	-	-
BBB+, BBB, BBB-	50%	-	-
BB+, BB, BB-	80%	14,080	11,058
B+, B, B-	100%	28,229	26,802
Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	150%	7,629	8,190

Khoản phải đòi Tổ chức tín dụng trong nước (thời hạn ban đầu dưới 3 tháng)

AAA, AA+, AA, AA-	10%	-	-
A+, A, A-	20%	120	120
BBB+, BBB, BBB-	20%	-	-
BB+, BB, BB-	40%	12,464	9,218
B+, B, B-	50%	8,277	8,576
Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	70%	7,597	5,581

4.4. Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng theo ngành

Tài sản có rủi ro tín dụng theo ngành	31/12/2025 tỷ đồng	30/06/2025 tỷ đồng	Thay đổi %
Tổng	430,722	356,644	21%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	202,724	194,354	4%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	27,753	10,458	165%
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	511	301	70%
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	133,098	92,118	44%
Hoạt động dịch vụ khác	169	100	69%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	462	819	-44%

Tài sản có rủi ro tín dụng theo ngành	31/12/2025 tỷ đồng	30/06/2025 tỷ đồng	Thay đổi %
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	15,125	13,370	13%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	20,292	21,417	-5%
Xây dựng	5,272	5,009	5%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	5,586	755	640%
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.	149	150	-1%
Hoạt động của đảng Cộng sản, tổ chức chính trị – xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	-	-	0%
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	-	-	0%
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	3,535	2,614	35%
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	5,888	5,147	14%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	410	381	8%
Khai khoáng	1,369	3,192	-57%
Vận tải kho bãi	6,546	4,693	39%
Giáo dục và đào tạo	1,467	1,149	28%
Thông tin và truyền thông	365	615	-41%

4.5. Công bố thông tin về giảm thiểu rủi ro tín dụng

Tại thời điểm 31/12/2025, danh mục rủi ro tín dụng của VIB được giảm thiểu bằng 02 biện pháp chính là sử dụng tài sản đảm bảo và thực hiện bù trừ nội bảng. Ngân hàng chưa phát sinh các khoản cho vay được bảo lãnh bởi bên thứ 3 hay sử dụng các công cụ phái sinh tín dụng. Danh mục tài sản đảm bảo và bù trừ nội bảng tuân thủ theo quy định tại Điều 11 Thông tư 41.

	31/12/2025		30/06/2025	
	Trước giảm thiểu tỷ đồng	Sau giảm thiểu tỷ đồng	Trước giảm thiểu tỷ đồng	Sau giảm thiểu tỷ đồng
Giảm thiểu rủi ro tín dụng				
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng, trong đó:	455,957	430,722	384,896	356,644
Giảm thiểu bằng tài sản đảm bảo	25,846	4,439	27,948	3,183
Giảm thiểu bằng bù trừ nội bảng	5,137	865	4,577	661
Giảm thiểu bằng bảo lãnh của bên thứ 3	-	-	-	-
Giảm thiểu bằng phái sinh tín dụng	-	-	-	-
Không áp dụng các biện pháp giảm thiểu	424,975	425,418	352,372	352,801

4.6. Công bố thông tin về rủi ro tín dụng đối tác

	31/12/2025	30/06/2025	Thay đổi
Tài sản có rủi ro tín dụng đối tác	tỷ đồng	tỷ đồng	tỷ đồng
Tổng	2,422	2,389	33
Giao dịch tự doanh	885	1,182	(297)
Giao dịch repo và giao dịch reverse repo	455	210	245
Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro	1,072	968	103
Giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính với mục đích phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác	11	29	(18)

5.1. Chính sách về quản lý rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động phải được nhận dạng và kiểm soát đầy đủ trong tất cả các sản phẩm, hoạt động kinh doanh, quy trình nghiệp vụ, hệ thống công nghệ thông tin và các hệ thống khác. Trong đó, ứng xử không khoan nhượng đối với các hành vi gian lận nội bộ. Đẩy mạnh văn hóa, nhận thức quản lý RRHD gồm (i) tổ chức đào tạo; (ii) truyền thông nội bộ; (iii) quản lý và báo cáo kịp thời RRHD; (iv) áp dụng cơ chế C & B và xử lý kỷ luật nghiêm minh.

Xây dựng và theo dõi hạn mức rủi ro hoạt động bao gồm tối thiểu hạn mức về mức độ tổn thất tài chính cho 6 nhóm hoạt động kinh doanh (gồm (i) hoạt động tạo thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự; (ii) hoạt động phát sinh chi phí lãi và các chi phí tương tự; (iii) hoạt động dịch vụ; (iv) hoạt động kinh doanh ngoại hối; (v) hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư; (vi) hoạt động khác) và hạn mức về mức độ tổn thất phi tài chính theo quy định tại thông tư 13/2018/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có). Hạn mức rủi ro hoạt động phải được đánh giá kịp thời, cảnh báo sớm khả năng vi phạm, trong trường hợp tổn thất thực tế vượt hạn mức rủi ro hoạt động, phải có biện pháp tăng cường để kiểm soát, giảm thiểu rủi ro hoạt động đó trong tương lai.

Phát triển quản trị rủi ro hoạt động đối với các hoạt động thuê ngoài, bao gồm tối thiểu các nội dung:

(i) Xác định phạm vi hoạt động thuê ngoài; (ii) Phân cấp thẩm quyền phê duyệt; (iii) Thẩm định năng lực của doanh nghiệp thuê ngoài; (iv) Có nguyên tắc thỏa thuận các hợp đồng thuê ngoài đảm bảo chặt chẽ, đầy đủ, bảo vệ quyền sở hữu

và bảo mật cơ sở dữ liệu, thông tin khách hàng và quyền chấm dứt hợp đồng thuê ngoài, mức độ và phạm vi hoạt động thuê ngoài, trách nhiệm cụ thể của ngân hàng và doanh nghiệp thuê ngoài; (v) Có kế hoạch duy trì hoạt động liên tục cho hoạt động thuê ngoài.

Thực hiện mua bảo hiểm để giảm thiểu tổn thất phát sinh từ rủi ro hoạt động, nhưng không sử dụng việc mua bảo hiểm để thay thế quản lý rủi ro hoạt động. Việc mua bảo hiểm phải được đánh giá hiệu quả giảm thiểu tổn thất phát sinh từ rủi ro hoạt động, đánh giá năng lực của doanh nghiệp bán bảo hiểm trong việc thực hiện hợp đồng bảo hiểm và các rủi ro hoạt động phát sinh liên quan.

Việc quản lý rủi ro hoạt động trong ứng dụng công nghệ được thực hiện thông qua việc nhận dạng nguy cơ phát sinh rủi ro hoạt động trong các hệ thống mạng kết nối nội bộ, hệ thống mạng kết nối bên ngoài, phần cứng, phần mềm, ứng dụng, giao diện giao dịch, vận hành và yếu tố con người trong các hoạt động ứng dụng công nghệ. Các hoạt động ứng dụng công nghệ phải được theo dõi, đánh giá khả năng duy trì hoạt động ổn định trước nguy cơ phát sinh rủi ro hoạt động.

Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục cho các Khối trong ngân hàng phải được chỉnh sửa và cải tiến định kỳ, tối thiểu bao gồm các nội dung:

- (i) Mất tài liệu, cơ sở dữ liệu quan trọng;
- (ii) Hệ thống công nghệ thông tin bị sự cố;
- (iii) Các sự kiện bất khả kháng (dịch bệnh, chiến tranh, thiên tai, cháy nổ...).

5.2. Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục trong kinh doanh

Định kỳ hàng năm, VIB thực hiện việc xây dựng, kiểm thử, rà soát định kỳ kế hoạch duy trì hoạt động liên tục (BCP) cho toàn hệ thống, đảm bảo hoạt động kinh doanh luôn được duy trì liên tục trước các tình huống gián đoạn và đáp ứng theo yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Với việc liên tục điều chỉnh các nội dung trong kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh phù hợp với tình hình hoạt động của các Khối/Ban, kết hợp với

triển khai một số ứng dụng công nghệ hỗ trợ mới, VIB đã và đang đảm bảo hoạt động kinh doanh của toàn hàng một cách ổn định.

5.3. Công bố thông tin về rủi ro hoạt động

Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động được xác định trên 15% chỉ số kinh doanh trung bình của 3 quý (quý gần nhất và quý tương ứng của 2 năm liền kề trước năm tính toán). Chỉ số kinh doanh được xác định theo hướng dẫn tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 41

	31/12/2025	30/06/2025	Thay đổi
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	tỷ đồng	tỷ đồng	%
Báo cáo hợp nhất			
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	3,937	3,890	1%
Chỉ số BI - Quý gần nhất	25,421	25,144	1%
Chỉ số BI - cùng Quý năm trước	26,103	27,573	-5%
Chỉ số BI - cùng Quý hai năm trước	27,225	25,081	9%
Báo cáo riêng lẻ			
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	3,893	3,852	1%
Chỉ số BI - Quý gần nhất	25,053	24,826	1%
Chỉ số BI - cùng Quý năm trước	25,834	27,296	-5%
Chỉ số BI - cùng Quý hai năm trước	26,977	24,921	8%

6.1. Chính sách về quản lý rủi ro thị trường

Chính sách quản trị rủi ro thị trường thường xuyên được rà soát và cập nhật nhằm đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và cân bằng giữa nhu cầu kinh doanh với yêu cầu quản trị nội bộ. Để triển khai hiệu quả công tác quản trị rủi ro thị trường, Tổng giám đốc ban hành quy định quản trị rủi ro thị trường, quy định các hạn mức rủi ro thị trường dựa trên tham mưu, tư vấn của Hội Đồng Rủi ro.

Các trạng thái rủi ro thị trường thuộc sổ kinh doanh của VIB được đánh giá lại hàng ngày theo giá thị trường để xác định mức độ lãi/lỗ tiềm tàng và mức độ rủi ro thị trường nhằm cảnh báo và báo cáo để có các biện pháp xử lý kịp thời, giảm thiểu và phòng ngừa rủi ro. Dữ liệu thị trường được thu thập từ các nguồn tin cậy và được rà soát, đánh giá thường xuyên nhằm đưa ra các phân tích, khuyến nghị kịp thời và hiệu quả. Hạn mức rủi ro thị trường được giám sát chặt chẽ và cảnh báo kịp thời tới các đơn vị kinh doanh nhằm hạn chế các tổn thất tài chính có thể xảy ra do biến động bất lợi của yếu tố thị trường.

VIB áp dụng phương pháp đo lường giá trị tổn thất tối đa (Value at Risk- VaR) để đo lường rủi ro cho danh mục. Mô hình VaR sử dụng dữ liệu thị trường trong vòng 500 ngày làm việc gần nhất với ngưỡng tin cậy là 99%. Ngoài ra, VIB cũng thực hiện hậu kiểm mô hình VaR theo khuyến nghị của Basel, đối chiếu giữa mức lãi/lỗ thực tế của danh mục và giá trị VaR trong khoảng thời gian hậu kiểm là 1 năm với ngưỡng tin cậy là 99%.

VIB thực hiện kiểm tra sức chịu đựng của ngân hàng đối với các biến động về lãi suất, tỷ giá để xác định khả năng chịu đựng rủi ro thị trường

định kỳ tối thiểu hàng Quý và/hoặc trong các trường hợp thị trường diễn biến căng thẳng. Phương pháp kiểm tra sức chịu đựng được VIB áp dụng tuân theo khuyến nghị của Basel là stress VaR, kịch bản dựa trên dữ liệu thị trường lịch sử 1 năm tại các thời điểm khủng hoảng, điều chỉnh thêm các yếu tố rủi ro nếu cần thiết. Việc tiến hành kiểm tra sức chịu đựng giúp VIB theo dõi và chủ động thực hiện các biện pháp phòng tránh, giảm thiểu rủi ro trước các biến động mạnh của thị trường.

VIB đã áp dụng chuẩn mực Basel 2 theo phương pháp mô hình nội bộ (IMA) trong hoạt động quản lý rủi ro thị trường hàng ngày nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro của ngân hàng và hỗ trợ hiệu quả các quyết định kinh doanh.

VIB hiện đang triển khai cùng đối tác xây dựng hệ thống giao dịch nguồn vốn (Treasury system) nhằm tối ưu hoạt động vận hành giao dịch các nghiệp vụ của Khối nguồn vốn. Hệ thống hỗ trợ quản lý tập trung và tự động hệ thống hạn mức rủi ro tới cấp độ từng giao dịch và toàn danh mục một cách kịp thời và chính xác, giảm thiểu rủi ro vận hành từ con người. Đồng thời, hệ thống giúp nâng cao công tác quản trị rủi ro một cách linh hoạt và tiết kiệm thời gian thông qua cơ chế tạo lập kịch bản giả định, hệ thống báo cáo đầy đủ và kịp thời tới các cấp phù hợp.

Chiến lược tự doanh

Chiến lược tự doanh được Khối nguồn vốn-ngoại hối xây dựng và thực hiện dựa trên khẩu vị rủi ro của HĐQT và diễn biến của thị trường nhằm thu lợi nhuận từ biến động về tỷ giá, lãi suất hoặc thu chênh lệch giá từ các thị trường và khách hàng khác nhau, Thực hiện chiến lược tự doanh cũng

góp phần gia tăng thị phần kinh doanh, nâng cao uy tín của VIB trên thị trường cũng như kết hợp bán chéo các sản phẩm khác.

Danh mục thuộc sổ kinh doanh

Danh mục thuộc sổ kinh doanh tại thời điểm 31/12/2025: toàn bộ danh mục kinh doanh ngoại hối của ngân hàng bao gồm trạng thái giao dịch ngoại tệ giao ngay, giao dịch ngoại tệ kỳ hạn và giao dịch hoán đổi ngoại hối.

6.2. Công bố thông tin về rủi ro thị trường

Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường bao gồm vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối. VIB không thực hiện các hoạt động kinh doanh cổ phiếu, hàng hóa và giao dịch quyền chọn nên không phát sinh vốn yêu cầu cho các rủi ro này.

Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất được xác định dựa trên vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất cụ thể phát sinh từ biến động lãi suất do yếu tố liên quan đến từng nhà phát hành và vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất chung phát sinh từ biến động lãi suất do yếu tố lãi suất thị trường, được tính toán theo hướng dẫn tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư 41.

Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối chỉ áp dụng đối với trường hợp tổng giá trị trạng thái ngoại hối ròng (bao gồm cả vàng) lớn hơn 2% vốn tự có của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tại 31/12/2025, trạng thái ngoại hối của VIB chiếm ~0.2% vốn tự có. Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối được tính theo hướng dẫn tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư 41.

	31/12/2025	30/06/2025	Thay đổi
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	tỷ đồng	tỷ đồng	tỷ đồng
Tổng	233	110	124
Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất	233	110	124
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu	-	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối	-	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá hàng hóa	-	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro cho các giao dịch quyền chọn	-	-	-

7.1. Giới thiệu về VIB

Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, tên viết tắt là Ngân hàng Quốc Tế (VIB) được thành lập ngày 18 tháng 9 năm 1996, hiện trụ sở của Ngân hàng ở địa chỉ Số 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 31/12/2025, sau 29 năm hoạt động, VIB đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam với vốn chủ sở hữu đạt 46.905 tỷ đồng. VIB hiện có hơn 10.278 cán bộ nhân viên phục vụ khách hàng tại 1 Hội sở chính và 202 đơn vị kinh doanh bao gồm các chi nhánh và phòng giao dịch tại các tỉnh/ thành phố trọng điểm trong cả nước.

VIB tiếp tục duy trì cơ cấu quản trị lành mạnh và kiểm soát rủi ro hiệu quả, đảm bảo các chỉ tiêu an toàn theo quy định.

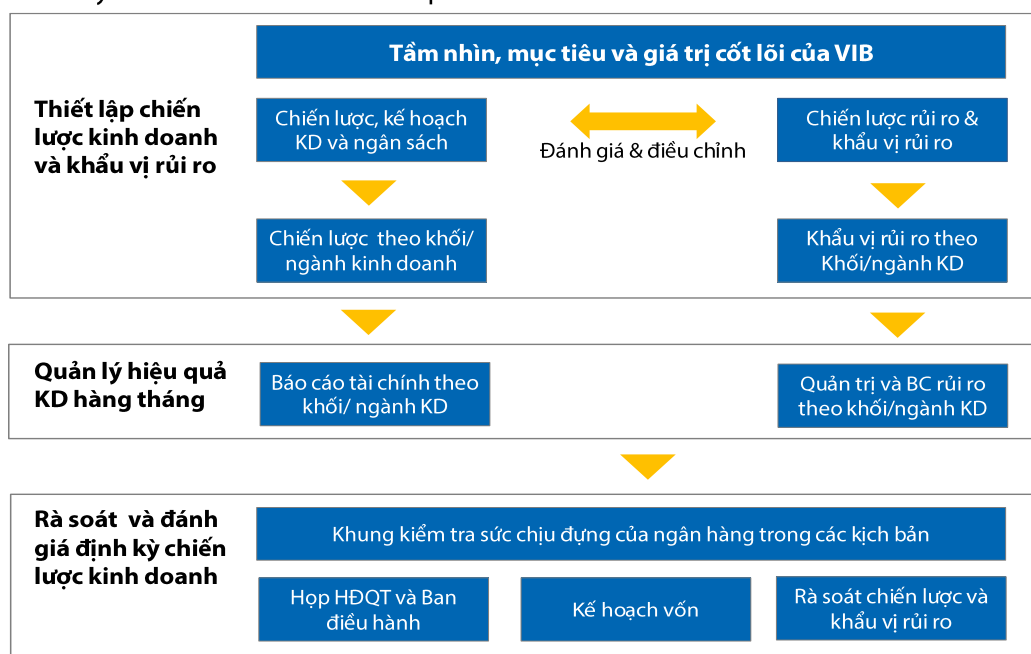
Nhờ duy trì nền tảng vận hành tinh gọn, đầu tư bài bản vào chuyển đổi số ở tất cả các sản phẩm

dịch vụ và quản trị rủi ro hiệu quả, VIB tiếp tục duy trì vị thế là một trong những ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam về quy mô và chất lượng. Trong đó, hiện danh mục cho vay bán lẻ của VIB chiếm 80% tổng danh mục cấp tín dụng.

7.2. Quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế và lộ trình tuân thủ các chuẩn mực Basel

Chiến lược và khẩu vị rủi ro

VIB xây dựng Chính sách quản lý rủi ro cho 3 năm liên tiếp, thực hiện rà soát định kỳ 1 năm/ lần hoặc trong trường hợp cần thiết. Theo đó, Hội đồng quản trị quy định các Chính sách quản lý rủi ro chung cho toàn hệ thống. Tổng Giám đốc sẽ quy định các hạn mức cụ thể theo các Khối Kinh doanh, ngành nghề, sản phẩm, khách hàng... Các hạn mức này sẽ được kiểm soát chặt chẽ bởi các phòng ban có liên quan.



VIB xây dựng Chính sách quản lý rủi ro cho tất cả các rủi ro trọng yếu bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro tập trung, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro văn hóa và quản trị doanh nghiệp, rủi ro tuân thủ. Trong đó Chính sách chú trọng đưa ra các nguyên tắc quản lý rủi ro và nguyên tắc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro. Chính sách quản lý rủi ro quy định khẩu vị rủi ro đối với tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu, các chỉ tiêu về thu nhập, chiến lược quản lý đối với từng loại rủi ro trọng yếu của ngân hàng. Đối với rủi ro tín dụng, rủi ro trọng yếu nhất của ngân hàng, VIB quy định chiến lược cho toàn hàng và theo từng Khối kinh doanh, chi tiết các chỉ số ngưỡng giới hạn, định hướng ưu tiên/hạn chế những hoạt động/ lĩnh vực/sản phẩm tín dụng/ khách hàng hoặc nhóm khách hàng/loại hình tài sản đảm bảo.

Tình hình thực hiện 3 trụ cột Basel III

Là ngân hàng đầu tiên hoàn thành cả 3 trụ cột Basel II vào tháng 12/2019, VIB vẫn tiếp tục tiên phong triển khai Basel III. Tính đến ngày 31/12/2025, VIB đã chính thức hoàn thành triển khai Basel III theo phương pháp tiêu chuẩn, sớm hơn 5 năm so với quy định của NHNN tại Thông tư 14. VIB cũng đang gấp rút hoàn thiện các yêu cầu của Trụ cột 2 theo yêu cầu của Thông tư 83/2025/TT-NHNN, đặc biệt với các yêu cầu mới về kiểm tra sức chịu đựng đối với từng loại rủi ro

trọng yếu và yêu cầu đánh giá mức đủ vốn nội bộ. Ngoài ra, VIB đã và đang đẩy mạnh triển khai Basel III theo phương pháp xếp hạng tín dụng nội bộ, ưu tiên tập trung triển khai cho danh mục tín dụng bán lẻ, do đây là phân khúc chiến lược của ngân hàng, với lợi thế về quy mô, độ sẵn có của dữ liệu và áp dụng mô hình trong các hoạt động tín dụng từ 2021 tới nay.

Việc triển khai nhanh chóng và đạt kết quả tuân thủ sớm có được nhờ ngân hàng đã chủ động thực hiện đồng bộ trên nhiều phương diện. Về quản trị, HĐQT và BDH thống nhất chủ trương, đầu tư vào hệ thống và liên tục giám sát, chỉ đạo sát sao tiến độ triển khai. Về công nghệ, VIB đầu tư hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, bao gồm hệ thống tính toán tỷ lệ an toàn vốn. Về dữ liệu, ngân hàng thực hiện làm sạch, chuẩn hóa và đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia, đặt nền móng vững chắc cho việc phát triển các mô hình rủi ro. Về nhân lực, VIB chú trọng đào tạo và chuyển giao năng lực, với quy mô đội ngũ xây dựng và vận hành mô hình tăng gấp 4 lần so với năm 2020. Bên cạnh đó, VIB cũng đã rà soát toàn diện và hoàn thiện hệ thống quy trình, quy định nội bộ — bao gồm các chính sách về quản lý rủi ro, đánh giá mức đủ vốn nội bộ (ICAAP) và kiểm tra sức chịu đựng (stress testing) — nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ Thông tư 14 và Thông tư 83/2025/TT-NHNN.

Trụ cột	Hạng mục	NHNN yêu cầu	VIB đáp ứng
Trụ cột 1	Thời gian hoàn thành	01.01.2020	01.01.2019
	CAR tối thiểu	8,0%	10,34%
	Sửa đổi ban hành chính sách liên quan	Yêu cầu	Đáp ứng
	Công cụ đo lường CAR chính xác	Yêu cầu	Đáp ứng
Trụ cột 2	Thời gian hoàn thành	01.01.2021	01.12.2019
	Quy trình đánh giá mức đủ vốn nội bộ	Yêu cầu	Đáp ứng
Trụ cột 3	Thời gian hoàn thành	01.01.2020	01.01.2019
	Công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn	Yêu cầu	Đáp ứng

Tổng Giám đốc

Hàn Ngọc Vũ